

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16-02-2023

*V/v: Kiện xin ly hôn
và nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: “Kiện xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1985.

* Bị đơn: Anh Dương Văn T1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số nhà 150B đường L, thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1 kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn đôi bên có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 10 tháng, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo P tục tập quán của địa phương và được UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và đã sinh được hai con chung thì

xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Ngoài ra anh T1 còn có quan hệ ngoại tình với người khác. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay, không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 06/12/2007 và Dương Hoàng V, sinh ngày 18/7/2012. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng xin nuôi cháu Dương Hoàng Việt, giao anh T1 nuôi dưỡng cháu Dương Thanh P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Con nuôi, con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Văn T1 đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không lấy được ý kiến của bị đơn.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Bị đơn anh Dương Văn T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần và không có văn bản gửi Tòa nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời gian, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1.

2/ Về con chung: Giao chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Hoàng V, giao anh Dương Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thanh P. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3/ Về án phí sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Văn T1 là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu tại thôn 1, xã P, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án tranh chấp kiện xin ly hôn và nuôi con chung giữa chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung vụ án:

Cuộc hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2006 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị T, HĐXX thấy rằng: Vợ chồng đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có hai con chung sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh T1 không có quan điểm gì về cuộc hôn nhân cũng cho thấy anh không muốn đoàn tụ trở lại. Thực tế cho thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã không còn tồn tại. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh T1 không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, tiến bộ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ vào các Điều 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử lý hôn nhân giữa chị T và anh T1 là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật. Thời điểm chấm dứt quan hệ vợ chồng thực hiện theo Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 06/12/2007 và Dương Hoàng V, sinh ngày 18/7/2012. Xét yêu cầu xin nuôi con chung HĐXX thấy rằng: Chị T và anh T1 có các điều kiện nuôi dạy con, điều kiện

về kinh tế đều ngang nhau. Mặt khác cháu Dương Thanh P có nguyện vọng muốn ở với bố, cháu Dương Hoàng V có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Để đảm bảo quyền và lợi ích cho các cháu, HĐXX xét thấy cần giao cho chị T, anh T1 mỗi người nuôi một cháu, cụ thể giao chị T nuôi dưỡng cháu Dương Hoàng V và giao anh T1 nuôi dưỡng cháu Dương Thanh P, không bên nào phải đóng góp nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Con nuôi, con riêng; Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 179, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1.

2/ Về con chung: Giao chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Dương Hoàng V, sinh ngày 18/7/2012; giao anh Dương Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 06/12/2007 cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con nuôi, con riêng: không có.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000439 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T và anh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Duy